TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦ THỪA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/HNGĐ
Ngày: 24-5-2023
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Mạnh Quyết
2. Ông Trần Văn Nhị

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 78/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp "ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1995. Địa chỉ: ấp 3, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1999. Địa chỉ: ấp 3, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Hoàng T trình bày: Do quen biết tự tìm hiểu nên ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Thị Hồng V tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L huyện T tỉnh Long An vào ngày 23/7/2019. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nhưng đến năm 2022 thì mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do bà V thường xuyên nhắn tin với người đàn ông khác từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi, xung đột mâu thuẫn với nhau ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Do đó vợ chồng đã sống ly thân 04 tháng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên ông T kiên quyết yêu cầu ly hôn với bà V.

Quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc An N, sinh ngày: 09/10/2020 và Nguyễn Bảo N1, sinh ngày: 13/12/2021, hiện tại cháu N đang do bà V chăm sóc ở tại nhà cha mẹ bà V còn cháu N1 đang do ông T chăm sóc. Từ sau tháng 01/2023 đến nay thì cháu N1 sống cùng với ông T nhưng bà V và ông T có rước tới rước lui 02 bé vì khoảng cách hai nhà gần nhau. Khi ly hôn ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung tên Nguyễn Bảo N1, đồng ý giao con chung tên Nguyễn Ngọc An N cho bà V nuôi dưỡng, các bên không cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Trường hợp Tòa án giải quyết giao 02 con chung cho bà V nuôi dưỡng thì ông T không cấp dưỡng nuôi con. Hiện ông T đang phụ giúp cha mẹ làm ruộng của gia đình. Quan hệ tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quan hệ nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V trình bày: Bà V thống nhất với phần trình bày của ông T về thời gian cưới, đăng ký kết hôn, con chung, nợ chung. Bà V đồng ý ly hôn với ông T vì quá trình chung sống giữa bà và ông T có nhiều mâu thuẫn phát sinh từ năm 2021, nguyên nhân là do ông T có xúc phạm cha bà V từ đó vợ chồng cự cãi đánh nhau, ông T đuổi bà V về nhà cha mẹ ruột sống không cho bà Vẫn dẫn 02 con đi, sau đó ông T có đem hung khí đến nhà cha mẹ bà V chém bà V nhưng không gây thương tích cho bà V, đến tháng 01/2023 bà V và ông T cự cãi ông T dùng dao tìm đâm bà V, đến tháng 03/2023 ông T cùng mẹ chồng và chị chồng đến nhà tìm đánh bà V bà có báo công an xã Long Thạnh sau đó ông T có cam kết không đánh bà V. Quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc An N sinh ngày 09/10/2020 và Nguyễn Bảo N1 sinh ngày 13/12/2021, hiện tại cháu N đang do bà V chăm sóc ở tại nhà cha mẹ bà V còn cháu N1 đang do ông T nuôi dưỡng. Khi ông T đuổi bà V ra khỏi nhà bà V có dẫn 02 con về nhà ông bà ngoại ở thì gia đình ông T không cho dẫn cháu đi, sau đó bà V có nhờ chính quyền can thiệp thì ông T cho bà V dẫn cháu N về sống chung, khoảng cách nhà cha mẹ bà V và ông T gần nhau nên bà cũng thường xuyên rước cháu N1 về để chăm sóc đến tối thì đưa về ngủ cùng với ông T vì gia đình ông T không cho cháu ngủ chung với bà V. Khi ly hôn bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc 02 con chung không đồng ý giao 02 con cho ông T nuôi dưỡng vì con còn nhỏ, trường hợp Tòa án giao 02 con cho bà V nuôi dưỡng thì bà V yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; trường hợp Tòa án giao cháu N1 cho ông T nuôi dưỡng thì bà V thống nhất các bên không cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Quan hệ tài sản chung: khi cưới cha mẹ ông T có cho 02 vợ chồng 01 cây vàng 24Kr (gồm 01 dây chuyền luôn mặt 06 chỉ, 01 chiếc lắc 03 chỉ và 01 đôi bông 01 chỉ), 01 chỉ vàng 18 Kr loại nhẫn. Ông T bà V đã thống nhất bán để lấy tiền mướn ruộng trồng lúa hiện ông T đang làm còn 01 chỉ vàng 18kr bà V đã bán để lo cho con. Giá trị tài sản chung 01 cây vàng 24kr khoảng 54.000.000đ, bà V tự thỏa thuận với ông T, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quan hệ nợ chung: Bà V xác định không có.

Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Thị Hồng V có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Nay ông Nguyễn Hoàng T yêu cầu ly hôn, bà V đang cư trú tại ấp 3, xã L, huyện T, nên Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà V xác định trong thời gian sống chung ông bà đã xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến thường xuyên gây cãi hậu quả ông bà đã không còn sống chung. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, Ông T và bà V không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được; ông T và bà V thống nhất ly hôn nên ghi nhận.

Về con chung: Ông T và bà V có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc An N, sinh ngày: 09/10/2020 và Nguyễn Bảo N1, sinh ngày: 13/12/2021. Hiện 02 con chung đang do ông T nuôi dưỡng.

Xét thấy cả ông T và bà V đều sống chung với cha mẹ hiện chưa ai có nhà riêng, mặc dù con chung đang sống cùng ông T nhưng khoảng cách giữa hai nhà gần nhau qua lại thường xuyên nên việc giao con cho bà V cũng không làm xáo trộn cuộc sống của con chung. Mặt khác do 02 con chung dưới 36 tháng tuổi, bà V có thu nhập ổn định do đó giao 02 con chung cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà V yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật là phù hợp nên được chấp nhận. Buộc ông T cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 745.000đồng cho tới khi con chung đủ 18 tuổi.

Tài sản chung: Bà V ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T và bà V xác định không có.

Về án phí: Ông T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí không giá nghạch về phần cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng T đối với bà Nguyễn Thị Hồng V.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hoàng T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng V.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc An N, sinh ngày: 09/10/2020 và Nguyễn Bảo N1, sinh ngày: 13/12/2021 cho bà Nguyễn Thị Hồng V trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Nguyễn Hoàng T cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 745.000đồng cho tới khi con chung đủ 18 tuổi.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng ông T được quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Án phí: Bà Ông Nguyễn Hoàng T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002957 ngày 10/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa sang án phí. Ông Nguyễn Hoàng T phải nộp thêm 300.000đ án phí.

3. Án xử sơ thẩm, đương sự không đồng ý thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người Nhựt thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- UBND xã Long Thạnh
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hương